TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 176/2025/DS-PT
Ngày 25 – 4 – 2025
V/v tranh chấp đòi quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hùng Quang.

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Phương Loan

Bà Đinh Cẩm Đào.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Trọng Bằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau Cà Mau.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà:* Ông Phạm Văn Hùng– Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 04 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2025/TLPT-DS ngày 27 tháng 02 năm 2024, về việc tranh chấp đòi quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2025/DS-ST ngày 21 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyệnTrần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 107/2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Thanh V (Mai Văn T), sinh năm: 1958

Địa chỉ cư trú: Khóm C, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Lương Trung N, sinh năm 1986

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã K, huyện T, Cà Mau (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Mai Thị A - sinh năm 1960 (có mặt)

2. Ông Mai Văn L - sinh năm 1950 (có mặt)

3. Bà Huỳnh Thị P - sinh năm 1974 (có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

4. Ông Mai Văn T1 - sinh năm 1950 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Khóm F, thị trấn S, huyện T, Cà Mau.

- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Thanh V là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 09/01/2024 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Thanh V trình bày*: Nguồn gốc đất ông yêu cầu là của cha ông tên Mai Văn V1 (đã chết năm 2003). Trước khi chết ông V1 ủy quyền lại (di chúc miệng) cho ông toàn bộ tài sản bao gồm đất đai, nhà cửa, ruộng vườn, mồ mã và cây ăn trái, tổng cộng là 04 dây có diện tích là 51.840m^2, tại ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Việc ông V1 ủy quyền có Video quay trực tiếp lời nói của ông V1 vào ngày 20/12/2000 và có anh chị em thân tộc trong gia đình.

Năm 2016, ông đang định cư tại Canada thì các anh, chị em ông cho ông hay là vợ chồng ông Lương Văn T2 (đã chết năm 2021) và bà Mai Thị A là anh rể và chị ruột ông (Cha, mẹ ruột của Lương Trung N) đã tự ý sang bán 01 phần đất trong phần đất mà cha ông đã ủy quyền cho ông cho một người tên N1. Ông trở về Việt Nam và khởi kiện vợ chồng ông T2, bà A ra chính quyền địa phương thì ông T2 đưa ra Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đứng tên ông T2 được cấp vào năm 1999 với diện tích là 34.600m^2 với lý do ông T2 và bà A mua lại của ông Mai Văn V1. Phần đất ông T2 và bà A bán cho ông N1 thì chính quyền đã giải quyết ông N1 giao trả lại cho ông, hiện tại ông đang quản lý, sử dụng.

Đối với phần đất mà ông T2 đứng tên có diện tích là 34.600m^2 hiện tại ông Lương Trung N đã được ông T2 tặng cho vào năm 2018 và đã đăng ký biến động sang tên ông N.

Nay khởi kiện yêu cầu ông Lương Trung N trả lại cho ông phần đất mà cha ông đã cho ông có diện tích 34.600m^2, đất tọa lạc tại ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Tại đơn đơn yêu cầu phản tố ngày 06/02/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Lương Trung N trình bày:* Đất có nguồn gốc của ông ngoại ông là ông Mai Văn V1 chuyển nhượng cho cha, mẹ ông vào năm 1999 và cha ông đã được cấp GCNQSDĐ hợp pháp. Phần đất này cha ông đã tặng cho ông vào năm 2018 và đã được đăng ký biến động chuyển tên. Do trong quá trình sử dụng đất. Năm 1999, ông T2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 34.600m^2 (dây số 1, 2 và 3), còn ông V1 được cấp diện tích 14.540m^2 (dây số 4) nhưng trên thực tế gia đình ông quản lý dây đất 1, 2 và 4 còn dây thứ 3 thì ông V1 quản lý, sử dụng. Năm 2017, ông V ủy quyền cho bà Lê Thị L1 (vợ ông V) yêu cầu Ủy ban nhân dân xã K giải quyết tranh chấp đất đai thì các bên thống nhất đổi đất lại cho thuận tiện cho các bên và gia đình ông được canh tác 03 dây đất liền kề nhau là dây số 1, 2 và 3 và đất ông V được thừa kế từ ông V1 là thửa đất tại dây thứ 4. Từ đó gia đình ông đã dỡ nhà trả lại đất cho ông L (Người được ông V ủy quyền và giao quản lý), nhưng ông L không thực hiện hoán đổi đất cho gia đình ông. Nay ông yêu cầu ông L, bà P và ông V trả lại phần đất thuộc dây thứ 4 có diện tích là 14.540 m^2. Ngoài ra, năm 2017 gia đình ông đã thực hiện việc thỏa thuận tháo dỡ nhà trả đất, nhưng ông L không thực hiện nên ông yêu cầu ông V, ông L và bà P phải trả lại chi phí dỡ nhà và làm lại bờ ao là 100.000.000 đồng. Nay ông không đồng ý theo yêu cầu của ông V

- Bà Huỳnh Thị P và ông Mai Văn L thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Thành V2 không có ý kiến gì khác.

- Bà Mai Thị A trình bày: Phần đất này trước đây cha của bà có cho anh của bà là ông Mai Văn Đ (đã chết) sau đó ông Đ nhượng lại cho ông Mai Văn T1 với giá 03 chỉ vàng 24k. Ngày 26 tháng 3 năm 1993 ông T1 chuyển nhượng lại cho vợ chồng bà với giá là 02 lượng vàng 24k, khi sang bán có lập tờ sang nhượng đất cùng ngày có người chứng kiến là Đinh Văn P1, Nguyễn Văn N2 và Phạm Văn C, hiện nay những người này còn sống và đang ở tại địa phương. Bà xác định phần đất này gia đình bà mua và được cấp GCNQSDĐ là hợp pháp. Nay em của bà là Nguyễn Thanh V đòi lại đất bà không đồng ý.

- Ông Mai Văn T1 trình bày: Ông không đồng ý lời trình bày của bà Mai Thị A về việc ông có bán đất cho vợ chồng bà A. Ông khẳng định phần đất mà bà A trình bày được ông giao lại cho vợ chồng bà A là phần đất ông được cha ông cho mượn, ông không có quyền sang bán. Năm 1992 do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên ông có giao phần đất này lại cho vợ chồng bà A và có nhận 02 lượng vàng 24k để làm chi phí di dời nhà đi xuống thị trấn S làm ăn sinh sống. Ông xác định tờ sang đất ngày 26 tháng 3 năm 1993 ông không có viết và không có ký vào tờ sang nhượng đất. Do ông không ký vào tờ sang nhượng đất nên ông không yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết trong tờ sang nhượng đất ngày 26 tháng 3 năm 1993.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số:34/2025/DS-ST ngày 21 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời tuyên Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh V (Mai Văn T) về việc buộc bị đơn ông Lương Trung N giao trả lại phần đất có diện tích diện tích 34.600 m^2, đất tọa lạc tại Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lương Trung N về việc buộc ông Nguyễn Thanh V (Mai Văn T) và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Mai Văn L, bà Huỳnh Thị P điều chỉnh lại vị trí thửa đất mà các bên đang sử dụng trên thực tế cho đúng với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà các bên được cấp.

Do việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng vị trí thực tế mà các đương sự quản lý, sử dụng từ trước đến nay nên các đương sự có quyền yêu cầu đến cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đúng vị trí đất mình đang quản lý sử dụng.

Đình chỉ xét xử một phần đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc buộc nguyên đơn ông Nguyễn Thanh V (Mai Văn T) và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Mai Văn L, bà Huỳnh Thị P bồi thường thiệt hại số tiền 100.000.000 đồng.

Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc số tiền 12.808.000 đồng, ông Nguyễn Thanh V (Mai Văn T) phải chịu, đã nộp xong.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/01/2025, ông Nguyễn Thanh V kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện và giữ nguyên kháng cáo bản án sơ thẩm; Bị đơn yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của các ông Mai Văn T còn trong hạn luật định. Nội dung kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Theo nguyên đơn cho rằng ông được cha (ông Mai Văn V1 đã chết năm 2003) giao lại toàn bộ phần đất, có tổng diện tích 51.840m^2 theo lời nói của ông V1 vào ngày 20 tháng 12 năm 2000 thể hiện trong đoạn Video (di chúc miệng) cho ông được hưởng toàn bộ phần đất của ông V1, do ông là con trai út trong gia đình. Thời điểm này ông đang định cư ở nước Canada và có gửi tiền về cho ông V1 xây dựng nhà, xây dựng nhà mồ của gia tộc. Sau khi ông V1 chết thì ông có làm giấy ủy quyền cho ông Mai Văn L (anh ruột của ông) từ huyện N về ở trên phần đất này để trông coi quản lý thờ cúng cha mẹ. Ông L cùng với vợ là bà Huỳnh Thị P quản lý đất này đến năm 2016 thì xảy ra tranh chấp với ông Lương Thành T3 (chết năm 2021) là cha ruột của ông Lương Trung N. Do ông không về nước được nên có ủy quyền cho vợ của ông là bà Lê Thị L1 thay mặt ông đứng ra giải quyết. Lúc này phía ông T3 có xuất trình giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp diện tích 34.600m^2, thuộc các thửa số 85, 83, tờ bản đồ số 08; tọa lạc tại ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Phần đất còn lại của ông V1, nhưng ông T3 đã sang nhượng cho người khác tên N1 nên yêu cầu trả lại và đã được giải quyết xong. Ông cho rằng ông V1 giao lại cho ông toàn bộ diện tích 51.840m^2 theo di chúc miệng nhưng không biết ông V1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ thời điểm nào, diện tích bao nhiêu và cũng không có quản lý đất này. Ông L quản lý nhưng chỉ quản lý phần đất còn lại của ông V1 trong một thời gian dài và biết phần đất của ông T3 quản lý từ trước đến nay.

[3] Bị đơn xác định nhận chuyển nhượng một phần từ ông V1 và chuyển nhượng một phần của ông Mai Văn T1, từ đó nên ông Lương Thành T3 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1999, diện tích 34.600m^2. Năm 2018, ông T3 tặng cho ông Lương Trung N toàn bộ diện tích đất trên, ông N quản lý, sử dụng cho đến nay nên không đồng ý trả đất theo yêu cầu của Nguyên đơn.

Quá trình thu thập chứng cứ xác định: Ông Mai Văn V1 được cấp GCNQSDĐ vào ngày 23 tháng 11 năm 1999 theo Quyết định số 875/QĐ - CTUB

ngày 23 tháng 11 năm 1999 của Chủ tịch UBND huyện; Ông Lương Thành T3 được cấp GCNQSDĐ vào ngày 11 tháng 10 năm 1999 theo Quyết định số 828/QĐ – CTUB ngày 08 tháng 10 năm 1999 của Chủ tịch UBND huyện. Căn cứ vào mốc thời gian của các Quyết định cấp quyền sử dụng đất thì ông Lương Thành T3 được cấp trước ông Mai Văn V1 hơn 01 tháng. Từ đó cho thấy V3 có nội dung ông Mai Văn V1 cho đất ông Nguyễn Thanh V vào ngày 20 tháng 12 năm 2000 đối với phần đất ông Lương Thành T3 được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất trước ông V1 là không phù hợp với sự việc xảy ra trên thực tế. Do ông V1 biết rõ đất của ông V1 được cấp, diện tích 14.540m^2.

[4] Mặt khác, theo lời trình bày của ông Mai Văn T1 đã nhượng lại một phần đất cho vợ chồng bà A vào năm 1992 và nhận 02 lượng vàng 24k có làm tờ sang đất ngày 26 tháng 3 năm 1993. Mặc dù ông không thừa nhận có viết và ký tên vào tờ sang nhượng đất nhưng những người làm chứng ký tên vào tờ sang đất và hiện tại còn sống tại địa phương là các ông Đinh Văn P1, Nguyễn Văn N2 và Phạm Văn C (Bl số 164, 164a). Tòa án đã tiến hành xác minh những người này tại địa phương thì những người này đều xác định ông T1 có sang nhượng đất cho vợ chồng ông T3, bà A và họ ký vào tờ sang đất ngày 26 tháng 3 năm 1993 và chính ông Phạm Văn C là trưởng Công an ấp trùm Thuật B thời điểm đó viết giúp tờ sang đất cho các bên. Một lần nữa tại Bản án số 73/2023/DS-ST ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời cũng thể hiện lời trình bày của ông T1 cùng với anh, chị em trong gia đình về nguồn gốc đất và nguyên nhân phát sinh tranh chấp qua các lời trình bày của ông Mai Văn L, Mai Văn L2, Mai Thị Ả, Mai Kim T4, Mai Thị N3 là có cơ sở xác định.

Theo quy định của Bộ luật dân sự năm 1995 và Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *Di chúc miệng được coi là hợp pháp, nếu người di chúc miệng thể hiện ý chí cuối cùng của mình trước mặt ít nhất hai người làm chứng và ngay sau đó những người làm chứng ghi chép lại, cùng ký tên hoặc điểm chỉ. 2. Sau ba tháng, kể từ thời điểm di chúc miệng mà người di chúc con sống, minh mẫn, sáng suốt, thì di chúc miệng bị hủy bỏ."*

Tại Điều 629 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *"1. Trường hợp tính mạng một người bị cái chết đe dọa và không thể lập di chúc bằng văn bản thì có thể lập di chúc miệng. 2. Sau ba tháng, kể từ thời điểm di chúc miệng mà người di chúc còn sống, minh mẫn, sáng suốt, thì di chúc miệng mặc nhiên bị hủy bỏ."*

Trên thực tế khi di chúc miệng cho nguyên đơn vào ngày 20 tháng 12 năm 2000 thì ông Mai Văn V1 không ở trong tình thế tính mạng bị đe dọa và ông V1 vẫn còn minh mẫn đến năm 2003 mới chết. Theo qui định tại Điều 27 Luật đất đai thì việc tặng cho đất phải được công chứng, chứng thực. Do đó di chúc miệng của cụ V1 là hoàn toàn không có hiệu lực. Hơn nữa vào thời điểm năm 1999 ông Mai Văn V1 được cấp giây chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích là 14.500m^2 , ông Lương Thanh T5 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 34.600m^2, việc cấp giấy chênh lệch thời gian 1 tháng. Sau khi được cấp giấy các bên sử dụng, quản lý không ai có phản ứng hay khiếu nại. Thời điểm cấp giấy cụ V1 vẫn còn minh mẫn.

Án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả phần đất 34.600m^2 là có cơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo .

[5] *Về yêu cầu phản tố của bị đơn*: Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn thay đổi, chỉ yêu cầu điều chỉnh lại vị trí thửa đất theo giấy chứng nhận được cấp của bị đơn có sai vị trí hiện trạng sử dụng so với giấy chứng nhận được cấp.

Do việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng vị trí thực tế mà các đương sự quản lý, sử dụng từ trước đến nay nên các đương sự có quyền yêu cầu đến cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp. Án sơ thẩm tuyên không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lương Trung N về việc buộc ông Nguyễn Thanh V (Mai Văn T) và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Mai Văn L, bà Huỳnh Thị P điều chỉnh lại vị trí thửa đất là chưa phù hợp nên cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cách tuyên cho phù hợp. Đối với việc rút lại yêu cầu bồi thường tài sản số tiền 100.000.000 đồng, án sơ thẩm đình chỉ là phù hợp.

[6] Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp các phân tích trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] *Về chi phí tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Thanh V có nộp chi phí thẩm định đo đạc số tiền 12.808.000 đồng (*Mười hai triệu tám trăm nghìn đồng*) theo biên bản nghiệm thu ngày 07/5/2024 của Chi nhánh Công ty TNHH T6. Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên nguyên đơn phải chịu.

[8] Về án phí dân sơ thẩm: Do nguyên đơn thuộc trường hợp là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên không phải nộp; Bị đơn phải nộp 300.000 đồng.

[9] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh V (Mai Văn T) thuộc trường hợp được miễn, đã được miễn dự nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh V (Mai Văn T)

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 34/2025/DS-ST ngày 21 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh V (Mai Văn T) về việc buộc bị đơn ông Lương Trung N giao trả lại phần đất có diện tích diện tích 34.600 m^2, đất tọa lạc tại Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Các đương sự có quyền liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký đất đai để điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đúng vị trí đất các đương sự đang quản lý sử dụng.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu phản tố của bị đơn về việc buộc nguyên đơn ông Nguyễn Thanh V (Mai Văn T) và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Mai Văn L, bà Huỳnh Thị P bồi thường thiệt hại số tiền 100.000.000 đồng.

3. Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc số tiền 12.808.000 đồng, ông Nguyễn Thanh V (Mai Văn T) phải chịu, đã nộp xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh V (Mai Văn T) được miễn án phí theo quy định. Buộc ông Lương Trung N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch với số tiền 300.000 đồng. Ngày 06/02/2024, ông N có dự nộp số tiền 2.500.000 đồng theo lai thu số 0004473 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được đối trừ, ông N được nhận lại số tiền 2.200.000 đồng (*Hai triệu hai trăm nghìn đồng*) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh V (Mai Văn T) được miễn**.**

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;*
- *Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;*
- *Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn;*
- *Lưu VT(TM:TANDTCM).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Hùng Quang